TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Hới, ngày 01 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Xuân T, sinh năm: 1962; nơi cư trú: TDP G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: TDP G, phường Đ, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ cần báo: Nhà số F ngõ B L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; nơi cư trú: TDP G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: TDP G, phường Đ, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ cần báo: Nhà số F ngõ B L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông bà cùng khai quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Chị Đoàn Thị Hoài T1, sinh ngày 10/6/1986 và anh Đoàn Tuấn A, sinh ngày 10/10/1991.

Hiện nay chị Đoàn Thị Hoài T1 và anh Đoàn Tuấn A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H cùng khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Phạm Xuân T2 và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí 50% mức án phí sơ thẩm. Tuy nhiên ông Phạm Xuân T2 và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T2 bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND Nam Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Lệ